



## PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM CHẤT LƯỢNG NƯỚC

Tên mẫu : NƯỚC XỬ LÝ TRẠM CẤP NƯỚC SƠN TRÀ II

Vị trí lấy mẫu : Trạm cấp nước Sơn Trà II

Ngày lấy mẫu : 30/11/2020

Tuần : 49

Tháng: 12/2020

Ngày nhận mẫu : 30/11/2020

Ký hiệu mẫu : 247-2

Số lượng/Tình trạng mẫu : Mẫu chứa trong bình nhựa khoảng 2 lít và 02 chai thủy tinh khoảng 200ml/chai

Người lấy mẫu : Trần Phước Khánh Vân

| Stt | Tên chỉ tiêu                         | Đơn vị        | Phương pháp thử         | Kết quả          | Tiêu chuẩn          | Ngày kiểm nghiệm                        |
|-----|--------------------------------------|---------------|-------------------------|------------------|---------------------|-----------------------------------------|
| 1   | Màu sắc                              | Pt-Co         | TCVN 6185:2015          | < 5 (MQL)        | ≤15                 | Từ ngày<br>30/11/2020 đến<br>05/12/2020 |
| 2   | Mùi vị                               |               | Cảm quan                | Không mùi, vị lạ | Không<br>mùi, vị lạ |                                         |
| 3   | Độ đục                               | NTU           | Ref TCVN 6184:2008      | 0,80             | ≤2                  |                                         |
| 4   | pH                                   | pH            | TCVN 6492:2011          | 7,06             | 6,5-8,5             |                                         |
| 5   | Độ cứng, tính theo CaCO <sub>3</sub> | mg/l          | TCVN 6224:1996          | 9                | ≤300                |                                         |
| 6   | Hàm lượng Clorua                     | mg/l          | TCVN 6194:1996          | 9,9              | ≤300                |                                         |
| 7   | Hàm lượng Sắt tổng số                | mg/l          | TCVN 6177:1996          | < 0,030 (MQL)    | ≤0,3                |                                         |
| 8   | Hàm lượng Mangan tổng số             | mg/l          | TCVN 6002:1995          | < 0,040 (MQL)    | ≤0,3                |                                         |
| 9   | Hàm lượng Nitrit                     | mg/l          | Ref TCVN 6494-1:2011    | KPH(MDL=0,015)   | ≤3                  |                                         |
| 10  | Hàm lượng Nitrat                     | mg/l          | Ref TCVN 6494-1:2011    | 0,86             | ≤50                 |                                         |
| 11  | Hàm lượng Sunphat                    | mg/l          | Ref TCVN 6494-1:2011    | 2,1              | ≤250                |                                         |
| 12  | Chỉ số Pecmanganat                   | mg/l          | TCVN 6186:1996          | 0,53             | ≤2                  |                                         |
| 13  | Coliform tổng số                     | MPN/<br>100ml | TCVN 6187-2:1996        | < 1 (KPH)        | 0                   |                                         |
| 14  | E. coli                              |               | TCVN 6187-2:1996        | < 1 (KPH)        | 0                   |                                         |
| 15  | Clo dư                               | mg/l          | PP so màu orthotolidine | 0,50             | 0,3 - 0,5           | 30/11/2020                              |

### \* Ghi chú:

- Quá trình lấy mẫu được thể hiện theo Biên bản lấy mẫu và bản giao mẫu nước số: 247/LABDAWACO ngày 30/11/2020.
- Tiêu chuẩn QCVN 01:2009/BYT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ăn uống do Bộ Y tế ban hành.
- Phiếu Kết quả này không được trích sao nếu chưa có sự đồng ý bằng văn bản của Dawaco.
- LabDawaco không chịu trách nhiệm khi thông tin cung cấp bởi khách hàng có thể ảnh hưởng đến giá trị sử dụng của kết quả.
- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử.

KPH: Không phát hiện.

MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp.

MQL: Giới hạn định lượng của phương pháp.

\* **Nhận xét:** Tất cả các chỉ tiêu kiểm tra đều đạt yêu cầu theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ăn uống QCVN 01:2009/BYT của Bộ Y tế.



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC  
TRẦN PHƯỚC THƯƠNG

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH KIỂM NGHIỆM

PHẠM VIỆT HÙNG





## PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM CHẤT LƯỢNG NƯỚC

Tên mẫu : NƯỚC XỬ LÝ TRẠM CẤP NƯỚC SƠN TRÀ II

Vị trí lấy mẫu : Trạm cấp nước Sơn Trà II

Ngày lấy mẫu : 23/11/2020

Tuần : 48

Tháng: 11/2020

Ngày nhận mẫu : 23/11/2020

Ký hiệu mẫu : 238-2

Số lượng/Tình trạng mẫu : Mẫu chứa trong bình nhựa khoảng 2 lít và 02 chai thủy tinh khoảng 200ml/chai

Người lấy mẫu : Trần Phước Khánh Vân

| Stt | Tên chỉ tiêu                         | Đơn vị        | Phương pháp thử         | Kết quả          | Tiêu chuẩn          | Ngày kiểm nghiệm                        |
|-----|--------------------------------------|---------------|-------------------------|------------------|---------------------|-----------------------------------------|
| 1   | Màu sắc                              | Pt-Co         | TCVN 6185:2015          | < 5 (MQL)        | ≤15                 | Từ ngày<br>23/11/2020 đến<br>28/11/2020 |
| 2   | Mùi vị                               |               | Cảm quan                | Không mùi, vị lạ | Không<br>mùi, vị lạ |                                         |
| 3   | Độ đục                               | NTU           | Ref TCVN 6184:2008      | 0,91             | ≤2                  |                                         |
| 4   | pH                                   | pH            | TCVN 6492:2011          | 7,04             | 6,5-8,5             |                                         |
| 5   | Độ cứng, tính theo CaCO <sub>3</sub> | mg/l          | TCVN 6224:1996          | 10               | ≤300                |                                         |
| 6   | Hàm lượng Clorua                     | mg/l          | TCVN 6194:1996          | 11,0             | ≤300                |                                         |
| 7   | Hàm lượng Sắt tổng số                | mg/l          | TCVN 6177:1996          | < 0,030 (MQL)    | ≤0,3                |                                         |
| 8   | Hàm lượng Mangan tổng số             | mg/l          | TCVN 6002:1995          | KPH(MDL=0,012)   | ≤0,3                |                                         |
| 9   | Hàm lượng Nitrit                     | mg/l          | Ref TCVN 6494-1:2011    | KPH(MDL=0,015)   | ≤3                  |                                         |
| 10  | Hàm lượng Nitrat                     | mg/l          | Ref TCVN 6494-1:2011    | 0,72             | ≤50                 |                                         |
| 11  | Hàm lượng Sunphat                    | mg/l          | Ref TCVN 6494-1:2011    | 2,2              | ≤250                |                                         |
| 12  | Chỉ số Pecmanganat                   | mg/l          | TCVN 6186:1996          | < 0,50 (MQL)     | ≤2                  |                                         |
| 13  | Coliform tổng số                     | MPN/<br>100ml | TCVN 6187-2:1996        | < 1 (KPH)        | 0                   |                                         |
| 14  | E. coli                              |               | TCVN 6187-2:1996        | < 1 (KPH)        | 0                   |                                         |
| 15  | Clo dư                               | mg/l          | PP so màu orthotolidine | 0,50             | 0,3 - 0,5           | 23/11/2020                              |

### \* Ghi chú:

- Quá trình lấy mẫu được thể hiện theo Biên bản lấy mẫu và bản giao mẫu nước số: 238/LABDAWACO ngày 23/11/2020.
- Tiêu chuẩn QCVN 01:2009/BYT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ăn uống do Bộ Y tế ban hành.
- Phiếu Kết quả này không được trích sao nếu chưa có sự đồng ý bằng văn bản của Dawaco.
- LabDawaco không chịu trách nhiệm khi thông tin cung cấp bởi khách hàng có thể ảnh hưởng đến giá trị sử dụng của kết quả.
- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử.

KPH: Không phát hiện.

MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp.

MQL: Giới hạn định lượng của phương pháp.

\* Nhận xét: Tất cả các chỉ tiêu kiểm tra đều đạt yêu cầu theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ăn uống QCVN 01:2009/BYT của Bộ Y tế.



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC  
TRẦN PHƯỚC THƯƠNG

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH KIỂM NGHIỆM

PHẠM VIỆT HƯNG





## PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM CHẤT LƯỢNG NƯỚC

Tên mẫu : NƯỚC XỬ LÝ TRẠM CẤP NƯỚC SƠN TRÀ II

Vị trí lấy mẫu : Trạm cấp nước Sơn Trà II

Ngày lấy mẫu : 16/11/2020

Tuần : 47

Tháng: 11/2020

Ngày nhận mẫu : 16/11/2020

Ký hiệu mẫu : 230-2

Số lượng/Tình trạng mẫu : Mẫu chứa trong bình nhựa khoảng 2 lít và 02 chai thủy tinh khoảng 200ml/chai

Người lấy mẫu : Trần Phước Khánh Văn

| Stt | Tên chỉ tiêu                         | Đơn vị        | Phương pháp thử         | Kết quả          | Tiêu chuẩn          | Ngày kiểm nghiệm                        |
|-----|--------------------------------------|---------------|-------------------------|------------------|---------------------|-----------------------------------------|
| 1   | Màu sắc                              | Pt-Co         | TCVN 6185:2015          | < 5 (MQL)        | ≤15                 | Từ ngày<br>16/11/2020 đến<br>21/11/2020 |
| 2   | Mùi vị                               |               | Cảm quan                | Không mùi, vị lạ | Không<br>mùi, vị lạ |                                         |
| 3   | Độ đục                               | NTU           | Ref TCVN 6184:2008      | 1,17             | ≤2                  |                                         |
| 4   | pH                                   | pH            | TCVN 6492:2011          | 7,04             | 6,5-8,5             |                                         |
| 5   | Độ cứng, tính theo CaCO <sub>3</sub> | mg/l          | TCVN 6224:1996          | 10               | ≤300                |                                         |
| 6   | Hàm lượng Clorua                     | mg/l          | TCVN 6194:1996          | 9,5              | ≤300                |                                         |
| 7   | Hàm lượng Sắt tổng số                | mg/l          | TCVN 6177:1996          | 0,032            | ≤0,3                |                                         |
| 8   | Hàm lượng Mangan tổng số             | mg/l          | TCVN 6002:1995          | < 0,040 (MQL)    | ≤0,3                |                                         |
| 9   | Hàm lượng Nitrit                     | mg/l          | Ref TCVN 6494-1:2011    | KPH(MDL=0,015)   | ≤3                  |                                         |
| 10  | Hàm lượng Nitrat                     | mg/l          | Ref TCVN 6494-1:2011    | 0,37             | ≤50                 |                                         |
| 11  | Hàm lượng Sunphat                    | mg/l          | Ref TCVN 6494-1:2011    | 2,0              | ≤250                |                                         |
| 12  | Chỉ số Pecmanganat                   | mg/l          | TCVN 6186:1996          | < 0,50 (MQL)     | ≤2                  |                                         |
| 13  | Coliform tổng số                     | MPN/<br>100ml | TCVN 6187-2:1996        | < 1 (KPH)        | 0                   |                                         |
| 14  | E. coli                              |               | TCVN 6187-2:1996        | < 1 (KPH)        | 0                   |                                         |
| 15  | Clo dư                               | mg/l          | PP so màu orthotolidine | 0,50             | 0,3 - 0,5           | 16/11/2020                              |

### \* Ghi chú:

- Quá trình lấy mẫu được thể hiện theo Biên bản lấy mẫu và bàn giao mẫu nước số: 230/LABDAWACO ngày 16/11/2020.
- Tiêu chuẩn QCVN 01:2009/BYT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ăn uống do Bộ Y tế ban hành.
- Phiếu Kết quả này không được trích sao nếu chưa có sự đồng ý bằng văn bản của Dawaco.
- LabDawaco không chịu trách nhiệm khi thông tin cung cấp bởi khách hàng có thể ảnh hưởng đến giá trị sử dụng của kết quả.
- Kết quả thử nghiệm chỉ có giá trị trên mẫu thử.

KPH: Không phát hiện.

MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp.

MQL: Giới hạn định lượng của phương pháp.

\* Nhận xét: Tất cả các chỉ tiêu kiểm tra đều đạt yêu cầu theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước ăn uống QCVN 01:2009/BYT của Bộ Y tế.



K. TỔNG GIÁM ĐỐC

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC  
TRẦN PHƯỚC THƯƠNG

TRUNG TÂM PHÂN TÍCH KIỂM NGHIỆM

PHẠM VIỆT HÙNG